

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/HNGĐ-ST.
Ngày 30-11-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Lý;

2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 517/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1976; xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1975; xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp L V, xã L H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Phương T trình bày:

Chị và anh C chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H vào năm 2002. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm, nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu về nhà kiểm chuyện cãi nhau với chị và thậm chí đánh chị. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 02-2018 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên:

Trần Ngọc N, sinh ngày 23-01-1996, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Trần Lê Phát Đ, sinh ngày 22-01-2004 đang theo sống với anh C.

Khi ly hôn, chị yêu cầu anh C giao cháu Đ cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn C trình bày:

Nhận thấy, anh C thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là về chuyện tiền bạc. Nay anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung gồm:

Trần Ngọc N, sinh ngày 23-01-1996, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Trần Lê Phát Đ, sinh ngày 22-01-2004 đang theo sống với anh. Khi ly hôn con theo ai thì người đó nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Phương T yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Giao chị T nuôi dưỡng cháu Đ. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Phương T và anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L H vào năm 2002. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ tháng 02-2018 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn và anh C cũng đồng ý ly hôn. Qua đó, cho thấy hôn nhân của chị T và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 23-01-1996, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Lê Phát Đ, sinh ngày 22-01-2004, cháu Đ cũng có nguyện vọng theo sống với chị T. Anh C trình bày con theo ai người đó nuôi. Vì vậy, có căn cứ buộc anh C giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Phương T được ly hôn anh Trần Văn C.
2. Về con chung: Cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 23-01-1996, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Buộc anh Trần Văn C giao cháu Trần Lê Phát Đ, sinh ngày 22-01-2004 cho chị Lê Thị Phương T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Lê Thị Phương T không yêu cầu anh Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016389 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T, anh C biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã L H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Dũng

